

Bản án số: 21/2020/DS-PT

Ngày: 24/4/2020

V/v Tranh chấp di sản thừa kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trí Dũng

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Cẩm Thúy

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Lê Hồng Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2019/TLPT-DS ngày 27 Tháng 12 năm 2019, về việc “Tranh chấp di sản thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2019/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn M

Địa chỉ: tổ M, khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Lê Hoàng L.**

Địa chỉ: Tổ M, khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 24.4.2017).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn C

Địa chỉ: khu vực L, phường T, quận T, TP.Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Lê Ngọc T**

Địa chỉ: tổ H, khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 12.02.2020)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Ánh D – Văn phòng Luật sư T.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Hàng thừa kế thứ nhất (thừa kế theo pháp luật) của cụ Lê Văn C và cụ Nguyễn Thị B:

Kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lê Thị C (với ông Phan Văn B) có người thừa kế thế vị, gồm:

Bà Phan Thị C

Trú tại: ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bà Phan Thị S, ông Phan Văn C1, Phan Văn M1

Cùng địa chỉ: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C, ông C, M1: Bà Phan Thị S.

(Được uỷ quyền theo văn bản uỷ quyền ngày 01.3.2017 và ngày 15.02.2019).

Kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lê Thị Đ (với ông Nguyễn Văn V) có người thừa kế thế vị, gồm:

Bà Nguyễn Thị C

Địa chỉ: phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Ông Nguyễn Văn K

Địa chỉ: ấp S, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Ông Nguyễn Văn N

Địa chỉ: ấp M, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Ông Nguyễn Văn C2

Địa chỉ: ấp S, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Ông Nguyễn Thị H

Địa chỉ: xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Bà Nguyễn Thị T

Địa chỉ: xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Ông Nguyễn Văn C3, Nguyễn Văn U, Bà Nguyễn Thị Q

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã Q, huyện Đ, T. Cà Mau.

Bà Nguyễn Thị X

Địa chỉ: Ấp X, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Bà Nguyễn Thị U

Địa chỉ: ấp S, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lê Thị B (với ông Lê Văn T) có người thừa kế thế vị, gồm:

Ông Lê Văn T, bà Lê Thị N, Lê Thị Đ
Cùng địa chỉ: khu vực P, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Bà Lê Thị Đ

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Ông Lê Văn M, Lê Văn C

Cùng địa chỉ: khu vực P, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Bà Lê Thị U

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

ông Lê Văn Út H

Địa chỉ: khu vực P, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, M, C, bà N, Đ, Đ, U: Ông Lê Văn Út H.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 02.3.2017, ngày 15.02.2019 và ngày 01.3.2019).

Kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lê Thị B (với ông Trần Văn C) có người thừa kế thế vị, gồm:

Bà Trần Thị T

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Bà Trần Thị N

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Trần Thị N

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Bà Trần Thị Q

Địa chỉ: khu vực C, phường T, quận Ô, TP. Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, N, Q: Ông Trần Văn N.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 03.3.2017).

Ông Lê Văn N

Địa chỉ: khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Ông Lê Văn T

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

+ *Phía hộ gia đình ông Lê Văn M:*

Bà Nguyễn Thị T, ông Lê Văn L, Lê Văn L, Lê Hoàng Đ, Lê Hoàng P, Lê Hoàng L, bà Lê Thị Ngọc N.

Cùng địa chỉ: Tổ 12, khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

4. *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn M, ông Lê Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Lê Văn M trình bày: Cha mẹ là cụ Lê Văn C (chết năm 1974) và cụ Nguyễn Thị B (chết năm 1998). Lúc sinh thời, cụ C và cụ B có 09 người con chung gồm: ông Lê Minh H, bà Lê Thị C, bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị B, bà Lê Thị B, ông Lê Văn N, ông Lê Văn T, ông Lê Văn C và ông Lê Văn M; Ngoài ra các cụ không có con riêng hay con nuôi nào khác.

Quá trình chung sống, cha mẹ tạo lập được phần đất có diện tích 8.265m^2 thuộc thửa số 401, tờ bản đồ số 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 5576/GCN/RĐ ngày 10.6.1993 do UBND huyện Thốt Nốt (cũ) cấp cho bà Nguyễn Thị B đứng tên quyền sử dụng - đất tọa lạc tại ấp Tân Thạnh 1, xã Trung Nhứt, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ (nay là khu vực L, phường T, quận T, TP. Cần Thơ). Hiện nay di sản để lại chưa chia.

Do trước đây, cha mẹ (cụ C và cụ B) chết, không để lại di chúc, tài sản vẫn do ông C quản lý nên ông khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật; theo đó ông yêu cầu nhận giá trị tương ứng diện tích 1.033m^2 ($8.265\text{m}^2 : 8$).

Bị đơn, ông Lê Văn C trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về cha mẹ là cụ Lê Văn C (chết năm 1974) và cụ Nguyễn Thị B (chết năm 1998); về các anh chị em là ông Lê Minh H, bà Lê Thị C, bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị B, bà Lê Thị B, ông Lê Văn N, ông Lê Văn T, ông Lê Văn C và ông Lê Văn M; Ngoài ra cha mẹ không có con riêng hay con nuôi nào khác. Tài sản do cha mẹ tạo lập là một phần đất thửa số 401 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (như trên).

Hiện nay, ông đang quản lý sử dụng một phần đất tranh chấp thửa 401 với diện tích đo đạc thực tế $7.583,8\text{m}^2$ theo trích đo số 04 ngày 17.01.2018 và số 16 ngày 22.02.2019. Ông C cho rằng đất này không phải cha mẹ để lại nên ông không đồng ý chia theo yêu cầu của ông M. Trường hợp Tòa án chia di sản thừa kế thì ông yêu cầu chia theo di chúc ngày 19.3.1992 do mẹ là cụ Nguyễn Thị B để lại, phần còn lại yêu cầu Tòa án xác định diện tích để chia theo pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Những người bên phía bà Lê Thị C có đại diện ủy quyền là chị Phan Thị S trình bày: Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn về người để lại di sản là cụ C (chết năm 1974) và cụ B (chết năm 1998) và về hàng thừa kế thứ nhất của các cụ cũng như về tài sản do các cụ tạo lập để lại là phần đất diện tích 8.265m^2 thuộc thửa số 401 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (như trên). Chị Sáu đại diện phía bà C yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật để nhận giá trị tương ứng diện tích được chia là 1.033m^2 ($8.265\text{m}^2 : 8$); ngoài ra chị không yêu cầu gì thêm.

Những người bên phía bà Lê Thị Đ có đại diện ủy quyền là chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn về người để lại di sản là cụ C và cụ B và về hàng thừa kế thứ nhất của các cụ cũng như về tài sản do các cụ tạo lập để lại là phần đất diện tích 8.265m^2 thuộc thửa số 401 theo Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất (như trên). Chị Q đại diện phía bà Đính yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật để nhận giá trị tương ứng diện tích được chia là 1.033m^2 ($8.265\text{m}^2 : 8$); ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Những người bên phía bà Lê Thị B có đại diện ủy quyền là anh Lê Văn Út H trình bày:

Thông nhất lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn về người để lại di sản là cụ C và cụ B và về hàng thừa kế thứ nhất của các cụ cũng như về tài sản do các cụ tạo lập để lại là phần đất diện tích 8.265m^2 thuộc thửa số 401 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (như trên). Anh H đại diện phía bà B yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật để nhận giá trị tương ứng diện tích được chia là 1.033m^2 ($8.265\text{m}^2 : 8$); ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Những người bên phía bà Lê Thị B có đại diện ủy quyền là anh Trần Văn N trình bày:

Thông nhất lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn về người để lại di sản là cụ C và cụ B và về hàng thừa kế thứ nhất của các cụ cũng như về tài sản do các cụ tạo lập để lại là phần đất diện tích 8.265m^2 thuộc thửa số 401 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (như trên). Anh N đại diện phía bà Bé yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật để nhận giá trị tương ứng diện tích được chia là 1.033m^2 ($8.265\text{m}^2 : 8$); ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Ông Lê Văn N trình bày: Thông nhất lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn về người để lại di sản là cụ C và cụ B và về hàng thừa kế thứ nhất của các cụ cũng như về tài sản do các cụ tạo lập để lại là phần đất diện tích 8.265m^2 thuộc thửa số 401 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (như trên). Ông N yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật để nhận giá trị tương ứng diện tích được chia là 1.033m^2 ($8.265\text{m}^2 : 8$); ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Ông Lê Văn T trình bày: Thông nhất lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn về người để lại di sản là cụ C và cụ B và về hàng thừa kế thứ nhất của các cụ cũng như về tài sản do các cụ tạo lập để lại là phần đất diện tích 8.265m^2 thuộc thửa số 401 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (như trên). Ông T yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật để nhận giá trị tương ứng diện tích được chia là 1.033m^2 ($8.265\text{m}^2 : 8$); ngoài ra ông không yêu cầu gì thêm.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13.3.2018 và quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn ông Lê Văn C có khởi kiện và yêu cầu bị đơn ông Lê Văn M trả phần đất lấn ranh thửa 401 có diện tích tranh chấp 811m^2 . Theo đó, quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Văn M và các thành viên hộ gia đình thừa nhận lấn ranh và thống nhất ổn định/trả diện tích tranh chấp 811m^2 vào tổng diện tích thửa 401. Đồng thời yêu cầu chia di sản thừa kế với diện tích tổng là $8.394,8\text{m}^2$ ($3.293\text{m}^2 + 4.290,8\text{m}^2 + 811\text{m}^2$) theo trích đo số 04 ngày 17.01.2018 và số 16 ngày 22.02.2019 thể hiện.

Trên cơ sở đó, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thừa kế theo pháp luật của cụ B và cụ C thống nhất yêu cầu ông M trả 811m^2 thuộc thửa 401 để yêu cầu chia thừa kế với diện tích tổng $8.394,8\text{m}^2$.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đối với tranh chấp quyền sử dụng đất:

Nguyên đơn ông Lê Văn C rút yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất đối với bị đơn ông Lê Văn M diện tích 811m^2 tại vị trí (A) trích đo số 16; ông C yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (đồng thừa kế) thống nhất việc ông M trả 811m^2 thuộc thửa 401.

Bị đơn ông Lê Văn M đồng ý ổn định trả diện tích 811m^2 tại vị trí (A) vào thửa 401 để tiếp tục yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía ông M gồm bà T và anh Lộc (thành viên hộ gia đình) đồng ý ổn định 811m^2 thuộc thửa 401 như ý kiến ông M.

- Đối với tranh chấp di sản thừa kế:

Ông Lê Văn M yêu cầu ông Lê Văn C chia tài sản thừa kế theo pháp luật. Trong đó yêu cầu được nhận hiện vật 811m^2 đang sử dụng, yêu cầu ông C bồi hoàn giá trị diện tích còn thiếu với giá được thẩm định; nếu diện tích chênh lệch thừa thì ông M đồng ý bồi hoàn giá trị lại cho ông C.

Ông Lê Văn C không đồng ý chia thừa kế vì tài sản ông đã sử dụng liên tục từ năm 1976 đến nay, hơn nữa đất này không phải do cha mẹ để lại nên ông không đồng ý chia.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (đồng thừa kế) cùng thống nhất yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật với diện tích tổng $8.394,8\text{m}^2$ thửa 401.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2019/DS-ST ngày 26/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt tuyên xử như sau:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C đối với ông Lê Văn M về tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh giới giữa các bất động sản liền kề) - đất tọa lạc tại khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Xác định diện tích thửa đất số 401 như sau: Tổng diện tích $8.394,8\text{m}^2$ (bao gồm: $3.293\text{m}^2 + 4.290,8\text{m}^2 + 811\text{m}^2$) theo trích đo số: 04/TTKTTNMT ngày 17.01.2018 và trích đo số: 16/TTKTTNMT ngày 22.02.2019 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ.

2. Tuyên bố Di chúc ngày 19.3.1992 vô hiệu.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn M về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với bị đơn ông Lê Văn C.

Xác định:

- Người để lại di sản là: Cụ Lê Văn C (chết năm 1974) và cụ Nguyễn Thị B (chết năm 1998) - không để lại di chúc.

- Di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại thửa số 401 (diện tích được xác định là $8.394,8\text{m}^2$), tờ bản đồ số 05 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 5576/GCN/RĐ ngày 10.6.1993 tại thửa 401 do bà Nguyễn Thị B đứng tên quyền sử dụng - đất tọa lạc tại khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

- Hàng thừa kế thứ nhất (thừa kế theo pháp luật), gồm: ông Lê Văn N, ông Lê Văn T, ông Lê Văn C, ông Lê Văn M, người thừa kế thế vị của bà Lê Thị C (chị Phan Thị C, chị Phan Thị S, anh Phan Văn C1, anh Phan Văn M1), người thừa kế thế vị của bà Lê Thị Đ (chị Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn C2, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn C3, anh Nguyễn Văn U, chị Nguyễn Thị Q, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị U), người thừa kế thế vị của bà Lê Thị B (anh Lê Văn T, chị Lê Thị N, chị Lê Thị Đ, chị Lê Thị Đ, anh Lê Văn M, anh Lê Văn C, chị Lê Thị U, anh Lê Văn Út H), người thừa kế thế vị của bà Lê Thị B (chị Trần Thị T, chị Trần Thị N, anh Trần Văn N, chị Trần Thị Q).

* Di sản được giải quyết như sau:

- Ông Lê Văn C được toàn quyền sử dụng phần đất diện tích 7.583,8m² (mục đích sử dụng LNK) theo Trích đo địa chính số: 04/TTKTTNMT ngày 17.01.2018 và Trích đo địa chính số 16/TTKTTNMT ngày 22.02.2019 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường thành phố Cần Thơ và tài sản gắn liền với đất;

- Ôn định cho ông Lê Văn M toàn quyền sử dụng phần đất 811m² (mục đích sử dụng LNK) tại vị trí (A) theo Trích đo địa chính số 16/TTKTTNMT ngày 22.02.2019;

- Ông Lê Văn M có nghĩa vụ thối hoàn giá trị đất cho ông Lê Văn C số tiền: 45.239.0000 đồng;

- Ông Lê Văn C có nghĩa vụ thối hoàn giá trị đất cho ông Lê Văn N số tiền: 82.898.650 đồng;

- Ông Lê Văn C có nghĩa vụ thối hoàn giá trị đất cho ông Lê Văn T số tiền: 82.898.650 đồng;

- Ông Lê Văn C có nghĩa vụ thối hoàn giá trị đất cho chị Phan Thị C, chị Phan Thị S, anh Phan Văn C1, anh Phan Văn M1 số tiền 82.898.650 đồng;

- Ông Lê Văn C có nghĩa vụ thối hoàn giá trị đất cho chị Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn C2, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn C3, anh Nguyễn Văn U, chị Nguyễn Thị Q, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị U số tiền: 82.898.650 đồng;

- Ông Lê Văn C có nghĩa vụ thối hoàn giá trị đất cho anh Lê Văn T, chị Lê Thị N, chị Lê Thị Đ, chị Lê Thị Đ, anh Lê Văn M, anh Lê Văn C, chị Lê Thị U, anh Lê Văn Út H số tiền: 82.898.650 đồng;

- Ông Lê Văn C có nghĩa vụ thối hoàn giá trị đất cho chị Trần Thị T, chị Trần Thị N, anh Trần Văn N, chị Trần Thị Q số tiền 82.898.650 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ông Lê Văn C và ông Lê Văn M được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, xác lập quyền sử dụng đất theo diện tích được sử dụng.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh diện tích đất theo thực trạng sử dụng ông Lê Văn M.

(Gửi kèm Trích đo địa chính số: 04/TTKTTNMT ngày 17.01.2018 và Trích đo địa chính số: 16/TTKTTNMT ngày 22.02.2019 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ và Biên bản thẩm định).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo đạc, định giá, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/9/2019 nguyên đơn ông Lê Văn M kháng cáo yêu cầu: Sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông.

Ngày 09.9.2019 bị đơn ông Lê Văn C kháng cáo yêu cầu:

- Xác định lại diện tích đất chia thừa kế.
- Trừ ra các diện tích của các ngôi mộ.
- Yêu cầu tính công sức bảo quản di sản cho ông tương đương 01 kỷ phần chia thừa kế.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo nguyên đơn, bị đơn đều đồng ý rút yêu cầu kháng cáo và tự thỏa thuận như sau: ông C đồng ý cho lại ông M số tiền 45.239.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;
- Về nội dung giải quyết vụ án: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện thỏa thuận ông C đồng ý cho lại ông M số tiền trả giá trị đất là 45.239.000 đồng mà bản án sơ thẩm đã tuyên và cả hai cùng rút kháng cáo. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại diện tích 8.394,8m² thuộc thửa 401, tờ bản đồ số 05, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 5576/GCN/RĐ ngày 10.6.1993, đất tọa lạc tại ấp Tân Thạnh 1, xã Trung Nhứt, huyện Thốt Nốt (cũ) (nay là khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ hiện do bị đơn đang quản lý sử dụng.

Cấp sơ thẩm thụ lý xét xử theo quan hệ pháp luật tranh chấp di sản thừa kế là có căn cứ đúng pháp luật.

Qua xem xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn M, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Cha mẹ của nguyên đơn và bị đơn là cụ Lê Văn C chết năm 1974 và cụ Nguyễn Thị B chết năm 1998 để lại di sản là quyền sử dụng đất 8.265m² thuộc thửa 401, tờ bản đồ số 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 5576/GCN/RĐ ngày 10.6.1993. Trong quá trình giải quyết vụ án chia thừa kế thì ngày 13.3.2018 ông Lê Văn C có khởi kiện nguyên đơn lần ranh đất đối với thửa 401, ông M đã thừa nhận và

đồng ý trả phần đất thuộc thửa 401 với diện tích 811m^2 và các bên đã thống nhất nhập phần đất 811m^2 vào thửa đất 401 để chia thừa kế. Qua đo đạc thực tế thể hiện tại bản trích đo địa chính số 04/TTKTTNMT ngày 17/01/2018 và 16/TTKTTNMT ngày 22/02/2019 xác định thửa đất 401 có diện tích $8.394,8\text{m}^2$.

Từ thời điểm cụ Lê Văn C chết năm 1974 và tính đến ngày khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn M yêu cầu chia di sản thừa kế là 43 năm, do đó $\frac{1}{2}$ di sản nêu trên $4.197,4\text{m}^2$ của ông Lê Văn C đã hết hiệu lực để yêu cầu chia thừa kế theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự 2015, Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và Giải đáp số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, đồng thời từ trước tới nay bị đơn ông Lê Văn C quản lý sử dụng thửa đất 401 trong đó có di sản là phần đất $4.197,4\text{m}^2$ nên cũng theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự 2015 thì phần đất $4.197,4\text{m}^2$ này thuộc về ông C.

Theo các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ, cấp sơ thẩm đã xác định các thừa kế theo pháp luật của cụ C, cụ B gồm có các ông, bà: Ông Lê Minh H (Chết không có người thế vị), ông Lê Văn N, ông Lê Văn T, ông Lê Văn C, ông Lê Văn M, người thừa kế thế vị của bà Lê Thị C (chị Phan Thị C, chị Phan Thị S, anh Phan Văn C1, anh Phan Văn M1), người thừa kế thế vị của bà Lê Thị Đ (chị Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn C2, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn C3, anh Nguyễn Văn U, chị Nguyễn Thị Q, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị U), người thừa kế thế vị của bà Lê Thị B (anh Lê Văn T, chị Lê Thị N, chị Lê Thị Đ, chị Lê Thị Đ, anh Lê Văn M, anh Lê Văn C, chị Lê Thị U, anh Lê Văn Út H), người thừa kế thế vị của bà Lê Thị B (chị Trần Thị T, chị Trần Thị N, anh Trần Văn N, chị Trần Thị Q). Đồng thời, di sản của cụ C, cụ B để lại tổng diện tích đất là $8.394,8\text{m}^2$ (trong đó $\frac{1}{2}$ di sản của cụ C là $4.197,4\text{m}^2$ đã hết thời hiệu khởi kiện và được giao cho bị đơn) nên Cấp sơ thẩm đã chia $\frac{1}{2}$ di sản là $4.197,4\text{m}^2$ của cụ Nguyễn Thị B để lại cho các đồng thừa kế gồm 08 phần là đúng theo quy định tại Điều 649 Bộ Luật dân sự năm 2015.

[2] Nội dung kháng cáo của ông Lê Văn C đối với bản án sơ thẩm cũng không có căn cứ chấp nhận bởi các lý do sau:

Thửa đất 401 thể hiện theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 5576/GCN/RĐ ngày 10/6/1993 thuộc thửa 401, tờ bản đồ số 05 là 8.265m^2 , đo đạc thửa đất theo 02 bản trích đo địa chính 04/TTKTTNMT ngày 17/01/2018 và 16/TTKTTNMT như đã đề cập là $4.290,8\text{m}^2 + 3.293\text{m}^2 = 7.583,8\text{m}^2$, đồng thời cộng thêm phần đất 811m^2 mà nguyên đơn ông Lê Văn M trả lại sau khi ông C khởi kiện thì thửa đất 401 thực tế có diện tích là $8.394,8\text{m}^2$ do cụ C và cụ B để lại nên bị đơn cho rằng tài sản thừa kế để lại chỉ có 6.000m^2 là không đúng.

Trong quá trình giải quyết vụ án đối với 20 ngôi mộ đều nằm rải rác, không tập trung cùng một nơi và đều nằm trong thửa 401 hiện do ông C đang quản lý ông C và ông M đồng ý giữ nguyên hiện trạng phần mồ mả, không yêu cầu di dời, hơn nữa, ông C là người quản lý sử dụng thửa đất 401 từ trước tới nay. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên cho ông C được thừa hưởng tổng diện tích di sản thực tế là 8.394m^2 việc tiếp ổn định trên phần đất của các bên được thừa hưởng như hiện trạng trước đây là hoàn toàn phù hợp.

Cụ Lê Văn C, Nguyễn Thị B có 09 người con, trong đó có ông Lê Minh H chết năm 1965 không có người thế vị nên trong trường kỷ phần chia thừa kế được xác định chỉ còn 08 phần là đúng quy định về pháp luật thừa kế. Tuy ông C có công quản lý di sản nhưng xét thấy từ lúc ông C bà B qua đời cho đến nay ông là người trực tiếp canh tác, quản lý di sản nên ông cũng đã được thừa hưởng hoa lợi từ di sản nên đối với ông C cũng có hưởng những quyền lợi trên phần di sản thừa kế chung nên không thể xem xét thêm công sức bảo quản di sản như yêu cầu của ông.

Vậy tài sản hiện tại được chia là $4.197,4m^2 : 08 \text{ phần} = 524,675m^2/01 \text{ kỷ phần}$.

Theo giá trị đất thị trường mà các bên đều thống nhất là 158.000 đồng/ m^2 .
 $524,675m^2 \times 158.000 \text{ đồng} = 82.898.650 \text{ đồng}$.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện thỏa thuận như sau: theo án sơ thẩm tuyên thì ông M phải có nghĩa vụ bồi trả lại cho ông C 45.239.000 đồng để được sử dụng diện tích đất $811m^2$ (trong đó có $524,675m^2$ được chia thừa kế) nhưng hôm nay ông C đồng ý cho ông M số tiền trên và hai bên đã tự nguyện rút hết tất cả yêu cầu kháng cáo. Do sự tự nguyện của các đương sự không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và lệ phí Trích đo địa chính:

Ông C đã tạm nộp 8.000.000 đồng; ông M tạm nộp 7.700.000 đồng, ông M tự nguyện chịu 1.700.000 đồng. Do đó số tiền còn lại 6.000.000 đồng của ông M những người được hưởng thừa kế có trách nhiệm trả lại cho ông M.

Về nội dung phần quyết định của án sơ thẩm có phần trùng lặp cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

Căn cứ đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

[3] Án phí phúc thẩm: nguyên đơn, bị đơn đều là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử: sửa bản án sơ thẩm.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C đối với ông Lê Văn M về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Tuyên bố Di chúc ngày 19.3.1992 vô hiệu.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn M về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với bị đơn ông Lê Văn C.

- Di sản thừa kế là quyền sử dụng đất còn trong thời hiệu là $4.197,4m^2$ tại thửa số 401 trong tổng diện tích là $8.394,8m^2$, tờ bản đồ số 05 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 5576/GCN/RĐ ngày 10.6.1993, do bà Nguyễn Thị B đứng tên, đất tọa lạc tại khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Theo trích đo số:

04/TTKTTNMT ngày 17.01.2018 và trích đo số: 16/TTKTTNMT ngày 22.02.2019 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ.

- Hàng thừa kế thứ nhất gồm: ông Lê Văn N, ông Lê Văn T, ông Lê Văn C, Lê Văn M, người thừa kế thế vị của bà Lê Thị C (bà Phan Thị C, Phan Thị S, ông Phan Văn C1, Phan Văn M1), người thừa kế thế vị của bà Lê Thị Đ (bà Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị U, ông Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn C2, Nguyễn Văn C3, Nguyễn Văn U), người thừa kế thế vị của bà Lê Thị B (ông Lê Văn T, Lê Văn M, Lê Văn C, Lê Văn Út H, bà Lê Thị N, Lê Thị Đ, Lê Thị Đ, Lê Thị U), người thừa kế thế vị của bà Lê Thị B (bà Trần Thị T, Trần Thị N, Trần Thị Q ông Trần Văn N).

* Di sản được chia như sau:

Chia cho 08 phần, mỗi kỹ phần thừa kế được chia 82.898.650 đồng, giá trị tương đương 524,675m² đất.

- Ông Lê Văn C được quyền sử dụng toàn bộ phần đất phần đất diện tích 7.583,8m² theo Trích đo địa chính số: 04/TTKTTNMT ngày 17.01.2018 và số 16/TTKTTNMT ngày 22.02.2019 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ và tài sản gắn liền với đất;

- Ôn định cho ông Lê Văn M toàn quyền sử dụng phần đất 811m² tại vị trí (A) theo Trích đo địa chính số 16/TTKTTNMT ngày 22.02.2019;

- Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Lê Văn Văn Chín và ông Lê Văn M như sau: Ông M không phải thối giá trị đất 45.239.000 đồng cho ông Lê Văn C.

+ Ông Lê Văn C có nghĩa vụ thối trả giá trị đất bằng tiền theo kỹ phần cho những người được hưởng thừa kế sau đây:

- Trả cho ông Lê Văn N, Lê Văn T mỗi người số tiền: 82.898.650 đồng;

- Trả cho bà Phan Thị C, Phan Thị S, ông Phan Văn C1, Phan Văn M1 số tiền 82.898.650 đồng;

- Trả cho bà Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị U, ông Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn C2, Nguyễn Văn C3, Nguyễn Văn U, số tiền: 82.898.650 đồng;

- Trả cho ông Lê Văn T, Lê Văn M, Lê Văn C, Lê Văn Út H, bà Lê Thị N, Lê Thị Đ, Lê Thị Đ, Lê Thị U, số tiền: 82.898.650 đồng;

- Trả cho bà Trần Thị T, Trần Thị N, Trần Thị Q, ông Trần Văn N, số tiền 82.898.650 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ông Lê Văn C và ông Lê Văn M được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, xác lập quyền sử dụng đất theo diện tích được sử dụng.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh diện tích đất theo thực trạng sử dụng ông Lê Văn M.

(Kèm theo trích đo địa chính số: 04/TTKTTNMT ngày 17.01.2018 và Trích đo địa chính số: 16/TTKTTNMT ngày 22.02.2019 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ).

4. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và lệ phí Trích đo địa chính:

- Bị đơn ông Lê Văn C tự nguyện chịu 8.000.000 đồng - đã thực hiện xong.
- Nguyên đơn ông Lê Văn M tự nguyện chịu 1.700.000 đồng - đã thực hiện xong.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: ông Lê Văn N, ông Lê Văn T và phía bà B (gồm anh Lê Văn T, chị Lê Thị N, chị Lê Thị Đ, anh Lê Văn M, anh Lê Văn C, chị Lê Thị U, anh Lê Văn Út H), phía bà C (gồm: chị Phan Thị C, chị Phan Thị S, anh Phan Văn C1, anh Phan Văn M1), phía bà Đinh (gồm: chị Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn C2, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn C3, anh Nguyễn Văn U, chị Nguyễn Thị Q, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị U), phía bà Bé (gồm: chị Trần Thị T, chị Trần Thị N, anh Trần Văn N, chị Trần Thị Q). Mỗi bên phải chịu 1.000.000 đồng và có trách nhiệm thối hoàn cho nguyên đơn ông Lê Văn M số tiền trên.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Văn M và ông Lê Văn C;

Ông Lê Văn C được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số AA/2016/004192 ngày 31.7.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ;

Ông Lê Văn M được nhận lại 4.080.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số AB/2013/003431 ngày 17.02.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ;

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn N và ông Lê Văn T.

- Bà Phan Thị C, Phan Thị S, ông Phan Văn C1, Phan Văn M1 phải nộp: 4.145.000 đồng (Bốn triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

- Bà Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị U, ông Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn C2, ông Nguyễn Văn C3, Nguyễn Văn U, phải nộp: 4.145.000 đồng (Bốn triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

- Ông Lê Văn T, Lê Văn M, Lê Văn C, Lê Văn Út H, bà Lê Thị N, Lê Thị Đ, Lê Thị Đ, Lê Thị U, phải nộp: 4.145.000 đồng (Bốn triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

- Bà Trần Thị T, Trần Thị N, Trần Thị Q, ông Trần Văn N phải nộp: 4.145.000 đồng (Bốn triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn M, Lê Văn C không ai phải chịu. Ông M được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 011760 ngày 03/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Ông C được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 001786 ngày 09/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND Q.Thốt Nốt;
- Chi cục THADS. Q.Thốt Nốt;
- Lưu (HS – 2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Trí Dũng